

Số: /BC-UBND

Lấp Vò, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá 10 năm thực hiện luật người khuyết tật trên địa bàn Huyện giai đoạn 2011 -2020

Thực hiện Công văn số 743/SLĐTBXH-BTPCTNXH ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, về việc báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Luật Người khuyết tật. Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT.

1. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ đạo, hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật của địa phương:

- Huyện chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội cho Người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 của Quốc hội ngày 16/6/2010 và Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Đề án trợ giúp Người khuyết tật.

- Từ năm 2011 đến nay, Huyện thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế và khám điều trị bệnh cho người khuyết tật theo quy định; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 01/2019/TT-LĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

- Việc ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách xã hội đối với Người khuyết tật trên địa bàn Huyện luôn được đảm bảo theo quy định. Khi có thay thế bổ sung, điều chỉnh, Huyện kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên

môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện chính sách Người khuyết tật kịp thời, đúng quy định (*liệt kê văn bản theo phụ lục 1*).

2. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật:

- Huyện chỉ đạo Phòng Lao động – TB&XH thường xuyên phối hợp với Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách trợ giúp xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống các đài truyền thanh cơ sở và lồng ghép vào các Chương trình hoạt động, mục tiêu quốc gia và các đoàn thể nhân dân (*Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên CSHCM*)...đảm bảo chính sách trợ giúp xã hội được triển khai rộng rãi trên địa bàn Huyện nhằm chuyển biến đồng bộ về nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn xã hội và chính bản thân người khuyết tật trong việc thực hiện các hoạt động trợ giúp Người khuyết tật.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra định kỳ và đột xuất để đảm bảo mọi Người khuyết tật đều được hưởng chính sách trợ giúp như nhau, kịp thời và đúng quy định.

3. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, dự án, đề án, chương trình trợ giúp người khuyết tật:

Để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 1019 và Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 08/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2013 - 2020. Huyện đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 29/8/2013, về thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn Huyện giai đoạn 2013 – 2020, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và UBND xã, thị trấn.

II. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT.

1. Xác nhận khuyết tật:

1.1. Triển khai thực hiện xác nhận khuyết tật:

- Tình hình thành lập Hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã: Xã, thị trấn thành lập hội đồng xác định mức độ khuyết tật gồm các thành viên: Chủ tịch UBND xã; Công chức LĐ-TBXH; Trưởng trạm y tế; Chủ tịch hoặc phó chủ tịch (*Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, hội Phụ nữ, hội Cựu chiến binh*), Bí thư, Trưởng các khóm/ấp (*gọi tắt là Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã*). Đồng thời, tiến hành củng cố khi có biến động, thay đổi về các thành viên của Hội đồng.

- Hoạt động của Hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã: Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định thành lập. Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 16 Luật Người khuyết tật và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động – TB&XH. Hội đồng có nhiệm vụ xác định dạng tật và mức độ khuyết tật; xác định lại mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật khi có sự kiện làm thay

đổi mức độ khuyết tật. Hội đồng chịu trách nhiệm về kết quả xác định dạng tật và mức độ khuyết tật đã thông qua và niêm yết công khai theo quy định.

- **Phương pháp xác định khuyết tật:** Phương pháp xác định khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã là thông qua các hồ sơ, bệnh án của đối tượng (nếu có) và chủ yếu là Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã quan sát trực tiếp người khuyết tật bằng mắt, đồng thời, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí đã quy định tại Thông tư và thông qua phỏng vấn đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng. Đối với các trường hợp không xác định được dạng tật và mức độ khuyết tật thì hướng dẫn và giới thiệu gia đình Người khuyết tật đến Hội đồng giám định y khoa Tỉnh để xác định. Sau khi có kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa Tỉnh, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã sẽ căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định y khoa Tỉnh để quyết định cấp giấy xác nhận khuyết tật hoặc trả lời cho gia đình Người khuyết tật nắm.

- **Thủ tục xác định khuyết tật:** Đối tượng có nhu cầu xin xác định mức độ khuyết tật có đơn đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật, bản sao các giấy tờ có liên quan đến khuyết tật (nếu có) (gọi chung là hồ sơ) gửi cho Bộ phận nhận và trả kết quả của xã, bộ phận nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, khi nhận được hồ sơ của người đề nghị chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm gửi văn bản tham khảo ý kiến, triệu tập các thành viên và gửi thông báo cho người khuyết tật hoặc người đại diện của người khuyết tật, để tiến hành họp xét. Nếu người khuyết tật có nhu cầu xác định lại mức độ khuyết tật thì tiến hành lập hồ sơ như ban đầu và bổ sung các bệnh án mới (nếu có). Đối với trường hợp người bệnh hồi phục sau thời gian điều trị thì Hội đồng xác định mức độ khuyết tật mời đối tượng đến tiến hành xác định lại mức độ khuyết tật.

+ Từ năm 2013 đến năm 2018: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDDT ngày 28/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Tài Chính - Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (*tại Điều 4, 5, 6 của Thông tư 37*).

+ Từ năm 2019 đến nay: Thực hiện theo Thông tư số 01/2019/TT-LĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (*tại Điều 4, 5, 6 của Thông tư 01*).

1.2. Triển khai xác nhận khuyết tật:

- **Tình hình cấp giấy chứng nhận khuyết tật:** Sau 05 ngày Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xác định nếu không có khiếu nại thì Chủ tịch xã cấp giấy khuyết tật cho Người khuyết tật theo quy định.

- **Tình hình xác nhận lại khuyết tật:** Hàng năm các xã, thị trấn có rà soát lại đối tượng đang hưởng trợ cấp khuyết tật, đối tượng phục hồi thì điều chỉnh sang nặng hoặc giảm trợ cấp, đối tượng có chuyển biến nặng thì nâng mức độ

khuyết tật. Và điều chỉnh mức hưởng cho đối tượng người khuyết tật theo các độ tuổi đã quy định trong Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

- Tình hình xác nhận khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện: Trong thời gian qua, toàn Huyện có 02 trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã xác định nhẹ và nặng nhưng đối tượng không thống nhất nên đề nghị giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa Tỉnh để giám định cho đối tượng.

1.3. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về xác nhận khuyết tật trong Luật Người khuyết tật:

- Hiện nay chế độ chính sách ngày càng mở rộng, trong khi đó Công chức Lao động-TB&XH ở các xã - thị trấn thực hiện nhiều công việc nên trong quá trình thực hiện không kịp thời còn sai sót, gây phiền hà cho đối tượng phải đi lại nhiều lần.

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã còn hạn chế về trình độ chuyên môn lĩnh vực y tế nên đôi khi xác định mức độ khuyết tật cho đối tượng chưa đảm bảo đúng mức độ khuyết tật của đối tượng, như đối tượng bệnh hiểm nghèo: Do quan sát mắt thường thì đối tượng vẫn sinh hoạt bình thường, bộ công cụ chẩn đoán gặp khó khăn (*các trường hợp bệnh ung thư, người bệnh tim đang đặt máy trợ tim, ...*)

- Đề xuất, kiến nghị: Cần tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn cho Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã. Đồng thời, đề nghị Bộ y tế nên có bộ khung quy định các loại bệnh ung thư nằm ở mức độ nào là được xem xét xác định mức độ khuyết tật.

2. Chăm sóc sức khỏe người khuyết tật:

2.1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú:

- Nâng cao nhận thức của Người khuyết tật, gia đình và cộng đồng về khuyết tật: giáo dục, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa, giảm thiểu khuyết tật và hòa nhập xã hội cho Người khuyết tật.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật cho 13 trạm y tế xã, thị trấn.

- Có sổ quản lý người khuyết tật theo nhóm khuyết tật.

2.2. Thực hiện chính sách ưu tiên trong khám chữa bệnh:

Tình hình thực hiện ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh đối với người khuyết tật.

- Người khuyết tật được ưu tiên khám chữa bệnh và ưu tiên khám trước, trừ các trường hợp cấp cứu. Tổ chức buồng khám riêng cho người khuyết tật tại khoa khám bệnh và bố trí giường bệnh điều trị nội trú. Khám chữa bệnh kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền.

- Các trạm y tế xã, thị trấn thực hiện khám sức khỏe cho người khuyết tật, trong đó quan tâm khám sức khỏe cho người khuyết tật cô đơn. Với người khuyết tật cô đơn, TYT cử cán bộ y tế đến khám chữa bệnh tại nhà khi họ bị bệnh mà không đến khám tại trạm y tế được.

2.3. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật:

- Tình hình tổ chức Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng:
 - + Hướng dẫn người khuyết tật tự chăm sóc bản thân.
 - + Hướng dẫn chế độ ăn người khuyết tật.
 - + Hướng dẫn những người khuyết tật nhẹ, có thể lao động được biết cách làm việc và phòng tránh tai nạn lao động.
 - + Hướng dẫn người khuyết tật tự chăm sóc và phát hiện bệnh của mình tự đến hoặc nhờ người nhà đưa đến các cơ sở y tế để phát hiện và điều trị sớm.
- Tình hình hỗ trợ, cung cấp công cụ, dụng cụ cho người khuyết tật (Nạng, khung tập đi, máy trợ thính, gậy dò đường,...).

Hàng năm Trạm y tế gửi danh sách những người khuyết tật cần hỗ trợ dụng cụ về Trung tâm Y tế Huyện. Trung tâm Y tế Huyện tổng hợp gửi danh sách về Bệnh viện phục hồi chức năng Tỉnh.

2.4. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về chăm sóc sức khỏe người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật:

- Khó khăn, tồn tại, bất cập: Không.
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định: Không.

3. Giáo dục đối với người khuyết tật:

3.1. Triển khai các phương thức giáo dục đối với người khuyết tật:

Hàng năm, ngay từ đầu năm học, Huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục – Đào tạo, chỉ đạo các Trường rà soát, lập danh sách và tổ chức lớp cho học sinh khuyết tật học hoà nhập. Phân công giáo viên thực hiện hồ sơ giáo dục hoà nhập và thực hiện giảng dạy theo phương thức hoà nhập. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh học hoà nhập được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo.

3.2. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật tham gia giáo dục:

- Học sinh hoà nhập được tiếp nhận và bố trí lớp học phù hợp (giảm 05 học sinh đối với lớp có học sinh khuyết tật học hoà nhập).
- Các trường miễn giảm hoàn toàn học phí và các khoản khác đối với học sinh khuyết tật. - Trường hợp học sinh khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, nhà trường lập thủ tục, hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí và phương tiện học tập cho các em.

3.3. Thực hiện chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tham gia giáo dục người khuyết tật:

- Hàng năm, Phòng Giáo dục – Đào tạo tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ cho Ban Giám hiệu và giáo viên trực tiếp dạy các lớp có học sinh khuyết tật học hoà nhập.

- Chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy lớp có học sinh khuyết tật được chi trả hàng năm theo quy định (*Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC*).

3.4. Thực trạng tham gia giáo dục của người khuyết tật:

Ngay từ năm học 2012-2013, các Trường mầm non và phổ thông đã tiến hành huy động, tiếp nhận và tổ chức giảng dạy theo phương thức hoà nhập cho học sinh.

- Cấp Mầm non: Năm học 2012-2013 có 3/14 trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập. Đến nay, có 8/14 trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

- Cấp Tiểu học: Năm học 2012-2013 có 5/30 trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập. Đến nay, có 25/27 trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

- Cấp THCS: Năm học 2012-2013 có 2/12 trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập. Đến nay, có 9/12 trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

3.5. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về giáo dục đối với người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật:

- Phần lớn cha mẹ có con em là trẻ khuyết tật có tâm lí e ngại về vấn đề khuyết tật của trẻ, chưa hiểu được vai trò của việc giáo dục hoà nhập cho trẻ nên chưa chịu đưa trẻ đi giám định khuyết tật. Điều này đã gây ít nhiều khó khăn cho nhà trường, giáo viên trong việc tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ.

- Thủ tục giám định, xác nhận khuyết tật cho trẻ còn rườm rà, nhiều khâu nên cũng gây trở ngại trong việc giám định dạng tật, mức độ tật cho trẻ.

- Điều kiện cơ sở vật chất các Trường chưa đảm bảo cho trẻ khuyết tật tham gia học hoà nhập một cách tốt nhất.

4. Dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật:

4.1. Tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật:

- Trên địa bàn Huyện hiện nay chưa có cơ sở dạy nghề riêng dành cho Người khuyết tật. Đa số người khuyết tật đều không khả năng lao động và không khả năng tự phục vụ, tất cả đều chỉ được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định cho người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng.

- Người khuyết tật còn khả năng lao động, được hỗ trợ vay vốn ưu đãi để tạo điều kiện sản xuất; số gia đình có người khuyết tật có điều kiện kinh tế, tư vấn học nghề theo khả năng của người khuyết tật, vận động gia đình đưa người khuyết tật đi học nghề tạo việc làm.

4.2. Hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật:

- Đời sống thu nhập của người khuyết tật còn nhiều khó khăn; hỗ trợ xây dựng nhà tình thương cho người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hỗ trợ xe lăn, xe lắc tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia hoạt động kinh tế (*bán vé số, mua bán nhỏ*).

- Các xã, thị trấn chưa có mô hình nào để thực hiện hỗ trợ sinh kế cho người khuyết tật và gia đình có người khuyết tật.

4.3. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật:

- Nhận thức của bản thân người khuyết tật và gia đình về đào tạo nghề cho người khuyết tật chưa đầy đủ; nhu cầu học nghề của Người khuyết tật rất thấp.

- Bên cạnh đó, một số Người khuyết tật còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội nên chưa có ý thức tự vươn lên giảm bớt khó khăn cho bản thân, gia đình và xã hội.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định: Nên có chính sách hỗ trợ cho các công ty, xí nghiệp khi họ nhận người khuyết tật vào làm, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tạo điều kiện cho người khuyết tật đi lại thuận lợi.

5. Văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của người khuyết tật:

5.1. Tình hình tiếp cận văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của người khuyết tật:

Huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng mỗi tháng 02 buổi về nội dung Văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của Người khuyết tật và các chế độ chính sách liên quan đến Người khuyết tật trên địa bàn Huyện. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật trên phương tiện thông tin đại chúng:

- Triển khai, hướng dẫn và giám sát 13/13 xã, thị trấn tổ chức hội nghị triển khai thực hiện Luật Người khuyết tật trên địa bàn huyện Lấp Vò, giai đoạn 2011 - 2020.

- Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện thí điểm Luật Người khuyết tật tại địa phương, giai đoạn 2011 – 2020.

5.2. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch đối với người khuyết tật:

Thực tế số lượng Người khuyết tật chưa tốt nghiệp tiểu học còn chiếm tỷ lệ cao, phần lớn Người khuyết tật đều có mức sống thấp do không có thu nhập, chưa có môi trường thuận lợi, chưa có điều kiện cho việc giải trí về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch. Vì vậy, việc tạo điều kiện cho Người

khuyết tật tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao, giải trí và du lịch còn rất hạn chế.

6. Nhà chung cư, công trình công cộng, giao thông, công nghệ thông tin và truyền thông:

6.1. Nhà chung cư và công trình công cộng:

a. Tình hình triển khai các nội dung:

Những công trình, dự án đầu tư mới có đề cập đến công tác phục vụ, thân thiện với Người khuyết tật (*thiết kế đường xe riêng dành cho Người khuyết tật*).

b. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về nhà chung cư, công trình xây dựng trong luật Người khuyết tật:

Hiện còn nhiều trụ sở làm việc của cơ quan Nhà nước chưa đảm bảo điều kiện tiếp cận với Người khuyết tật (*không có đường dành riêng cho xe Người khuyết tật*).

6.2. Tham gia giao thông của người khuyết tật:

a. Tình hình triển khai các nội dung:

Các công trình xây dựng, đường xá, phương tiện giao thông hiện nay trên địa bàn Huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại đối với Người khuyết tật.

b. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về giao thông tiếp cận trong Luật Người khuyết tật:

Một số công trình được được cải thiện hoặc nâng cấp để đảm bảo phù hợp cho Người khuyết tật tiếp cận.

6.3. Công nghệ thông tin và truyền thông:

a. Tình hình triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin dành cho người khuyết tật

Căn cứ vào điều kiện thực tế trên địa bàn Huyện và mạng lưới Internet về công nghệ thông tin, đa phần Người khuyết tật nghe, nói, nhìn, trí tuệ, ... lấy thông tin chủ yếu từ người thân vì một số Người khuyết tật luôn gặp trở ngại trong giao tiếp như không đọc được văn bản, sách vở nếu không được dịch ra ngôn ngữ, ký hiệu vì thế thông tin rất ít. Hiện chưa có hệ thống ngôn ngữ ký hiệu, trang Website của cơ quan Nhà nước, các cổng thông tin điện tử dành riêng cho Người khuyết tật.

b. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về công nghệ thông tin và truyền thông:

Mỗi vùng miền sử dụng một loại ngôn ngữ khác nhau, Người khuyết tật nghe, nói, nhìn, trí tuệ vẫn chưa có ngôn ngữ, ký hiệu mà chỉ giao tiếp với nhau qua ngôn ngữ tự phát trong cộng đồng nên việc tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông của Người khuyết tật còn nhiều hạn chế.

7. Bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật:

7.1. Tình hình triển khai các nội dung:

- Trợ cấp xã hội hàng tháng của người khuyết tật: 2.922 người.
- Hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng người khuyết tật: 527 người.
- Nuôi dưỡng người khuyết tật trong các cơ sở bảo trợ xã hội: 2 người.
- Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ mai táng phí: Hỗ trợ 215 thân nhân Người khuyết tật hưởng bảo trợ xã hội khi từ trần.

7.2. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về công nghệ thông tin và truyền thông trong Luật Người khuyết tật:

Chính sách thực hiện cho Người khuyết tật ngày càng mở rộng. Hiện nay, đa số thực hiện văn bản điện tử trong việc ban hành Quyết định trợ cấp xã hội. Đồng thời, phần mềm cập nhật thông tin và chính sách thực hiện cho Người khuyết tật của Tỉnh và Bộ không thống nhất (*02 phần mềm riêng biệt*). Vì thế, cán bộ chuyên môn phụ trách nhiều lĩnh vực nên chưa thời gian cập nhật lên phần mềm chưa kịp thời.

8. Quản lý thông tin/cơ sở dữ liệu về lĩnh vực người khuyết tật:

Thông tin về người khuyết tật được cập nhật vào phần mềm quản lý Người khuyết tật của Tỉnh. Đồng thời, các trường hợp người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được quản lý theo từng hồ sơ tại Huyện và được cập nhật lên phần mềm Missposasoft của Bộ.

9. Đánh giá chung về việc triển khai thực hiện các quy định của Luật người khuyết tật. Nêu rõ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Luật Người khuyết tật và kiến nghị, đề xuất sửa đổi các quy định của Luật Người khuyết tật 2010:

9.1. Đánh giá tình hình thực hiện Luật Người khuyết tật:

- Công tác thực hiện hỗ trợ cho Người khuyết tật được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, UBND Huyện, sự phối hợp tích cực của các ngành, đoàn thể đã thực hiện tốt các chính sách đối với người khuyết tật; huy động các nguồn lực từ xã hội trợ giúp chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, giáo dục, bảo trợ xã hội..., giúp Người khuyết tật hòa nhập cộng đồng, cũng như phát huy tiềm năng của người khuyết tật, đóng góp chung vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đối tượng trợ giúp từng bước được mở rộng, mức trợ cấp ngày càng tăng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thực tế, tạo cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế như: Người khuyết tật còn mặc cảm trong việc tham gia vào các chính sách dạy nghề, một số địa phương chưa thật sự quan tâm trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các chính sách đối với người khuyết tật.

- Hệ thống trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật trên địa bàn huyện còn thiếu về số lượng và chưa đảm bảo về chất lượng.

- Phần lớn các gia đình có người bị khuyết tật đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định do vừa làm vừa chăm sóc cho người khuyết tật tạo thêm gánh nặng cho gia đình và xã hội.

9.2. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Người khuyết tật:

- Luật Người khuyết tật cần quy định trách nhiệm của doanh nghiệp bắt buộc phải nhận 1 tỉ lệ lao động là người khuyết tật nhất định nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong giải quyết việc làm đối với người khuyết tật kèm theo chính sách ưu đãi đối với họ.

- Để tranh việc so bì trong việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã, Luật cần quy định cụ thể danh mục bệnh cho việc xác định mức độ khuyết tật, vì theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Luật số 51/2010/QH12: “Việc xác định mức độ khuyết tật được thực hiện bằng phương pháp quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội và các phương pháp đơn giản khác để kết luận mức độ khuyết tật đối với từng người khuyết tật”. Do đó, từng địa phương có cách nhìn khác nhau nên không thống nhất, đồng bộ dạng khuyết tật cụ thể cho một đối tượng.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Luật người khuyết tật giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện Huyện Lập Vò./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Huyện;
- LĐVP + CV (Khái);
- Phòng LĐ-TBXH;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH (T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thị Diệp

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT
GIẢI ĐOẠN 2011 - 2020

Mã	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu	
A	Chỉ tiêu chung	Người	Nữ	Tổng số
A1	<i>Tổng số người khuyết tật (bao gồm cả người khuyết tật là thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN, v.v...)</i>		3.319	4.990
	<i>Chia theo dạng tật</i>			
A1.1	Số người khuyết tật vận động	Người	1.404	2.134
A 1.2	Số người khuyết tật nghe và nói	Người	296	344
A 1.3	Số người khuyết tật nhìn	Người	194	263
A 1.4	Số người khuyết tật thần kinh	Người	651	860
A1.5	Số người khuyết tật trí tuệ	Người	291	382
A 1.6	Số người khuyết tật dạng khuyết tật khác	Người	483	1007
	<i>Chia theo mức độ khuyết tật</i>			
A 1.7	Người khuyết tật đặc biệt nặng	Người	552	830
A 1.8	Người khuyết tật nặng	Người	2.160	3.461
A 1.9	Người khuyết tật nhẹ	Người	607	699
	<i>Chia theo nhóm đối tượng</i>			
A 1.10	Số người khuyết tật <16 tuổi (trẻ em)	Người	149	293
A 1.11	Số người khuyết tật từ 16 - <60 tuổi	Người	964	1563
	Số người khuyết tật ≥ 60 tuổi (người cao tuổi)		605	1393
A 1.12	<i>Chia theo khả năng tự phục vụ & khả năng lao động</i>	Người		
A 1.13	Số người khuyết tật còn khả năng tự phục vụ	Người	552	830
A 1.14	Số người khuyết tật còn khả năng lao động	Người	2160	3461
A 1.15	Số người khuyết tật có việc làm	Người	607	699
A 1.16	Số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật	Người	2.992	4.663
A 2	<i>Tổng số hộ có thành viên là người khuyết tật</i>	Hộ		
A 2.1	Số hộ có từ 2 người khuyết tật trở lên	Hộ		19
A 2.2	Số hộ nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ		53
A 2.3	Số hộ cận nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ		61
A3	<i>Tổng số cơ sở bảo trợ xã hội</i>	Cơ sở		1
A3.1	Số cơ sở BTXH có nuôi dưỡng người khuyết tật	Cơ sở		1
A4	<i>Chương trình hỗ trợ người khuyết tật được triển khai trong giai đoạn 2011 -2020</i>			
	CẤP HUYỆN			
A4.1	Số huyện triển khai Chương trình dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật	Huyện		1

A4.2	Số huyện triển khai Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Huyện		1
A4.3	Số huyện triển khai Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Huyện		1
A4.5	Số huyện triển khai Chương trình giao thông tiếp cận	Huyện		1
A4.6	Số huyện triển khai tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây dựng	Huyện		1
A4.7	Số huyện triển khai Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Huyện		1
	CẤP XÃ			
A4.8	Số xã triển khai Chương trình dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật	Xã		13
A4.9	Số xã triển khai Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Xã		13
A4.10	Số xã triển khai Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Xã		13
A4.11	Số xã triển khai Chương trình giao thông tiếp cận	Xã		13
A4.12	Số xã triển khai Tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây dựng	Xã		13
A4.13	Số xã triển khai Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Xã		13
B	Chỉ tiêu theo lĩnh vực/ngành			
B.1	Dạy nghề, việc làm và bảo trợ xã hội			
B1.1	Số người khuyết tật được học nghề ngắn hạn (dưới 1 năm)	Người	0	0
B1.2	Số người khuyết tật được hỗ trợ kinh phí học nghề	Người	0	0
B1.3	Số người khuyết tật có việc làm mới	Người	0	0
B1.4	Số người khuyết tật được vay vốn giải quyết việc làm	Người	0	0
B1.5	Số người khuyết tật được TCXH hàng tháng ở cộng đồng	Người	1.718	2.922
B1.6	Số người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH	Người	1	2
B1.7	Số người (hộ) được trợ cấp chăm sóc người khuyết tật	Người	313	527
B1.8	Số người khuyết tật được cấp thẻ BHYT	Người	1.365	2.684
B1.9	Số trẻ em khuyết tật được hỗ trợ tham gia giáo dục	Trẻ em		
B1.10	Tổng ngân sách chi cho các chương trình/đề án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành LĐTBXH giai đoạn 2011 - 2020	1.000đ		
B2	Y tế - Chăm sóc sức khỏe, Phục hồi chức năng			
B2.1	Số trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi được khám sàng lọc khuyết tật	Trẻ em		1.400

B2.2	Số trẻ em khuyết tật được can thiệp sớm khuyết tật bằng biện pháp y học	Trẻ em		52
B2.3	Số người khuyết tật được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	Người		2.600
B2.4	Số trạm y tế xã có phân công cán bộ y tế phụ trách công tác PHCN	Trạm		13
B2.5	Số bệnh viện PHCN tỉnh	BV		
B2.6	Số bệnh viện đa khoa tỉnh có khoa PHCN	BV		
B2.7	Số bệnh viện chuyên khoa tỉnh có khoa PHCN	BV		
B2.8	Số nhân viên y tế xã phụ trách công tác PHCN đã được bồi dưỡng kiến thức PHCN	Người		13
B2.9	Số nhân viên y tế (bác sỹ, y sỹ, kỹ thuật viên) làm công tác PHCN đã được bồi dưỡng kiến thức PHCN	Người		3
B2.10	Số trường đại học chuyên ngành Y có khoa/bộ môn PHCN trên địa bàn tỉnh	Trường		
B2.11	Số trường Cao đẳng, trung cấp Y tế có khoa/bộ môn PHCN trên địa bàn tỉnh	Trường		
B2.12	Số người khuyết tật được hướng dẫn PHCNDVCD	Người		2.000
B2.13	Số người khuyết tật được cung cấp các dụng cụ hỗ trợ	Người		169
B2.14	Ngân sách chi cho chương trình/đề án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành y tế giai đoạn 2011 -2020	1000 đ		248.440
B3	Giáo dục – Đào tạo			
B3.1	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt	Cơ sở		0
B3.2	Số trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	T.Tâm		0
B3.3	Số cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức giáo dục hòa nhập	Cơ sở		56
B3.3.1	<i>Số giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật theo phương thức hòa nhập trong các cơ sở giáo dục phổ thông</i>	Người		42
B3.4	Số trẻ em khuyết tật đi nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non	Trẻ em		8
B3.5	Số trẻ khuyết tật học Tiểu học	Trẻ em		25
B3.6	Số trẻ khuyết tật học Trung học cơ sở	Trẻ em		9
B3.7	Số trẻ khuyết tật học Trung học phổ thông	Trẻ em		
B3.8	Số trẻ khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt	Trẻ em		0
B4	Tiếp cận nhà ở, công trình xây dựng			
B4.1	Tỷ lệ công sở hành chính nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%		
B4.2	Tỷ lệ công trình thể dục, thể thao đảm bảo tiếp cận	%		
B4.3	Tỷ lệ công trình văn hóa đảm bảo tiếp cận	%		
B4.4	Tỷ lệ công trình Y tế đảm bảo tiếp cận	%		
B4.5	Tỷ lệ nhà gia, bến xe bảo tiếp cận	%		

B4.6	Tỷ lệ công trình dịch vụ (Bưu điện, ngân hàng, siêu thị) đảm bảo tiếp	%		
B4.7	Tỷ lệ nhà chung cư đảm bảo tiếp cận	%		
B4.8	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận nhà ở, công trình xây dựng của ngành xây dựng giai đoạn 2011 -2020	1.000 đ		
B5	Giao thông tiếp cận			
B5.1	Tỷ lệ xe buýt đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%		
B5.2	Tỷ lệ nhà chờ bến xe, bến tàu đảm bảo tiếp cận	%		
B5.3	Số người khuyết tật được cấp thẻ đi xe bus miễn phí	Người		
B5.4	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông đường sắt	Người		
B5.5	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông hàng không	Người		
B5.6	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận giao thông của ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011 -2020	1.000đ		
B6	Công nghệ thông tin – Truyền thông			
B6.1	Số trang thông tin điện tử của cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	Trang ĐT		
B6.2	Số lần phát thanh chuyên mục người khuyết tật hàng tháng (bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng		
B6.3	Số lần phát sóng truyền hình chuyên mục người khuyết tật hàng tháng(bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng		
B6.4	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin – truyền thông của ngành Thông tin – truyền thông giai đoạn 2011 - 2020	1000đ		
B7	Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và Du lịch			
B7.1	Số câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ của người khuyết tật	CLB		
B7.2	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ	Người		
B7.3	Số câu lạc bộ thể dục, thể thao của người khuyết tật	CLB		
B7.4	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ thể dục – thể thao	Người		
B7.5	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành Văn hóa, Thể thao & Du lịch giai đoạn 2011 - 2020	1.000đ		
B8	Nội vụ - phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật			
B8.1	Số tổ chức hội của người khuyết tật	Tổ chức		

B8.2	Tổng số hội viên	Người		
B8.3	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật giai đoạn 2011 -2020	1.000đ		

Lưu ý: Các chỉ tiêu được tính cộng dồn từ thời điểm 31/12/2020.

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC THI LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

STT	Hình thức văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Số văn bản	Nội dung chính của văn bản
1	Kế hoạch	UBND Huyện	10/11/2011	126	Kế hoạch tổ chức hưởng ứng Ngày Quốc tế Người Khuyết tật 03/12/2011
2	Kế hoạch	UBND Huyện	09/11/2012	105	Kế hoạch tổ chức hưởng ứng Ngày Quốc tế Người Khuyết tật 03/12/2012
3	Kế hoạch	UBND Huyện	29/8/2013	80	Kế hoạch thực hiện Đề án Trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn Huyện giai đoạn 2013 – 2020
4	Kế hoạch	UBND Huyện	26/11/2013	138	Kế hoạch tổ chức hưởng ứng Ngày Quốc tế Người Khuyết tật 03/12/2013
5	Kế hoạch	UBND Huyện	28/11/2014	177	Kế hoạch tổ chức hưởng ứng Ngày Quốc tế Người Khuyết tật 03/12/2014
6	Kế hoạch	UBND Huyện	20/3/2019	72	Kế hoạch thực hiện Đề án trợ giúp Người khuyết tật trên địa bàn Huyện năm 2019
7	Kế hoạch	UBND Huyện	10/4/2019	89	Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính trên địa bàn Huyện năm 2019
8	Kế hoạch	UBND Huyện	17/10/2019	171	Kế hoạch thực hiện Đề án trợ giúp Người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn Huyện

9	Kế hoạch	UBND Huyện	28/10/2019	173	Kế hoạch điều tra, rà soát thống kê Người khuyết tật và Người khuyết tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học trên địa bàn Huyện năm 2019
10	Kế hoạch	UBND Huyện	09/3/2020	59	Kế hoạch thực hiện Đề án trợ giúp Người khuyết tật trên địa bàn huyện năm 2020.

PHỤ LỤC 2

CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CÓ LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2011 -2020

TT	Tên chương trình/đề án hỗ trợ người khuyết tật và các chương trình có lòng ghép nội dung hỗ trợ người khuyết tật	Thời gian thực hiện		Mục đích	Phạm vi thực hiện	Nội dung/ hoạt động chủ yếu
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc			
1						
2						
3						
4						
5						